

Số: 2283/QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức; Quyết định số 1837/QĐ-ĐHHĐ ngày 23/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức được ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2024 ngày 11/7/2024;

Căn cứ Thông báo số 156/TB-ĐHHĐ ngày 11/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về điểm trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2024 gồm 187 thí sinh thuộc 12 chuyên ngành (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng: Quản lý đào tạo Sau đại học, Kế hoạch - Tài chính; Trưởng các khoa có thí sinh trúng tuyển; đơn vị, cá nhân có liên quan và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để b/c);
- Hội đồng trường (để b/c);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để c/đ);
- Như Điều 3;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc;
- Lưu: VT, P.QLĐTSDH. 12



Bùi Văn Dũng

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 2283/QĐ-ĐHHĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Chuyên ngành: Kế toán

Định hướng chương trình: Ứng dụng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
1	Mai Thị Mai Anh	01.01.1990	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	Khá	3.50		3.50	Đạt	
2	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	14.12.1995	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	2.57		2.57	Đạt	
3	Vũ Thị Kim Chi	28.06.1982	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	3.00		3.00	Đạt	
4	Nguyễn Linh Chi	21.02.1997	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	2.88		2.88	Đạt	
5	Nguyễn Thị Duyên	27.05.1974	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	Khá	3.00		3.00	Đạt	
6	Lê Thị Đạt	07.05.1989	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	
7	Nguyễn Phương Hằng	25.02.2000	Thanh Hóa	Kinh	Kinh tế	Khá	2.96		2.96	Đạt	
8	Hồ Thị Hậu	10.08.1983	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	
9	Bùi Thị Hiền	02.07.1990	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	3.00		3.00	Đạt	
10	Lê Thị Hiếu	10.02.1985	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Giỏi	3.50		3.50	Đạt	
11	Mai Anh Hiếu	29.09.1998	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	2.60		2.60	Đạt	
12	Lê Văn Hoàn	17.08.1991	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	Khá	2.64		2.64	Đạt	
13	Lê Thị Hương	20.01.1992	Thanh Hóa	Kinh	Kinh tế	Khá	3.50		3.50	Đạt	
14	Trần Thị Thùy Linh	14.11.1996	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	Khá	2.72		2.72	Đạt	
15	Lê Kim Oanh	01.01.2001	Thanh Hóa	Kinh	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	2.88		2.88	Đạt	
16	Nguyễn Thị Quyên	29.01.1987	Thanh Hóa	Kinh	Kỹ sư Kinh tế bưu chính viễn thông	Khá	3.50		3.50	Đạt	
17	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	16.10.1991	Thanh Hóa	Kinh	Quản trị kinh doanh	Khá	3.00		3.00	Đạt	
18	Mai Công Toàn	21.10.1984	Thanh Hóa	Kinh	Quản trị kinh doanh	TB Khá	2.40		2.40	Đạt	



[Handwritten signature]

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
19	Lại Mạnh Tuấn	25.02.1979	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	2.99		2.99	Đạt	
20	Đỗ Thanh Tuấn	12.05.1985	Thanh Hóa	Kinh	Hệ thống thông tin kinh tế	TB Khá	2.40		2.40	Đạt	
21	Lê Thị Thuận	05.04.1996	Thanh Hóa	Kinh	Dịch vụ tài chính quốc tế	Hạng Nhất	3.00		3.00	Miễn	Bằng NN
22	Lê Thị Thu Thủy	09.09.1993	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	3.01		3.01	Đạt	
23	Phan Thị Hoàng Yến	04.11.1999	Thanh Hóa	Kinh	Kinh tế quốc tế	Khá	3.18		3.18	Đạt	
24	Lê Thị Yến	06.10.1992	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	3.00		3.00	Đạt	

(Ấn định danh sách có 24 thí sinh)/.



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 2283/QĐ-ĐHHĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Định hướng chương trình: Ứng dụng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
1	Phạm Tú Anh	20.07.2001	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Giỏi	3.27		3.27	Miễn	
2	Trịnh Quỳnh Anh	28.04.1998	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Giỏi	3.26		3.26	Miễn	
3	Nguyễn Thị Vân Anh	15.10.1992	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	2.75		2.75	Đạt	
4	Mai Thị Minh Anh	16.05.1998	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	Khá	2.72		2.72	Đạt	
5	Lê Vương Anh	07.10.1998	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính- Ngân hàng	Khá	2.57		2.57	Đạt	
6	Lê Văn Chung	08.08.1983	Thanh Hóa	Kinh	Quản trị kinh doanh	TB Khá	2.40		2.40	Đạt	
7	Nguyễn Thị Thùy Dung	03.11.1989	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	3.00		3.00	Miễn	
8	Lê Quang Dũng	03.11.2001	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	2.71		2.71	Miễn	
9	Lê Thị Duyên	11.08.1989	Thanh Hóa	Kinh	Quản trị kinh doanh	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	
10	Lê Tiến Đạt	11.08.1998	Thanh Hóa	Kinh	Quản trị kinh doanh	Khá	2.54		2.54	Đạt	
11	Lê Thị Thu Hà	14.10.1984	Thanh Hóa	Kinh	Kinh tế và TM quốc tế	Không XL	2.50		2.50	Miễn	Bằng NN
12	Lê Thị Hải	27.12.1984	Thanh Hóa	Kinh	Kĩ sư Trồng trọt	Khá	3.50		3.50	Đạt	
13	Cao Văn Hải	18.09.1990	Thanh Hóa	Kinh	Luật	Khá	2.97		2.97	Miễn	
14	Lương Việt Hoàng	02.08.1997	Thanh Hóa	Thái	Luật	Trung bình	2.46		2.46	Đạt	
15	Vũ Đình Hùng	15.04.1991	Thanh Hóa	Kinh	Kiến trúc sư	TB Khá	2.40		2.40	Đạt	
16	Nguyễn Việt Hương	23.01.1990	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	3.00		3.00	Đạt	
17	Hoàng Trung Kiên	09.01.2000	Thanh Hóa	Kinh	Máy tính và Khoa học Thông tin	Trung bình	2.21		2.21	Đạt	
18	Lê Ngọc Khánh	01.05.1992	Thanh Hóa	Kinh	Kinh tế	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	
19	Mai Phước Liên	22.12.1999	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	3.53		3.53	Đạt	



(Handwritten signature)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
20	Phạm Tùng	Linh	18.07.1990	Thanh Hóa	Mường	Kinh tế phát triển	Trung bình	2.08		2.08	Đạt	
21	Lò Duy	Lộc	07.08.1995	Thanh Hóa	Thái	Kinh tế	TB Khá	2.45		2.45	Đạt	
22	Trần Năng	Lực	01.12.1995	Thanh Hóa	Kinh	Kinh tế Nông nghiệp	Trung bình	2.36		2.36	Đạt	
23	Ngô Thị	Lương	12.03.1995	Thanh Hóa	Kinh	Quản trị kinh doanh	Khá	2.89		2.89	Đạt	
24	Lê Hương	Ly	23.10.2001	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	3.31		3.31	Miễn	
25	Hoàng Thị	Mai	28.09.1991	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	3.50		3.50	Đạt	
26	Nguyễn Mai	Ngân	04.01.1984	Thanh Hóa	Kinh	Toán - Thống kê - Tin học (Thống kê kinh tế - xã hội)	Khá	3.00		3.00	Đạt	
27	Hoàng Thị	Nhung	02.10.1989	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	
28	Lê Văn	Quân	08.09.1990	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	
29	Lý Anh	Quân	08.08.1995	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Trung bình	2.16		2.16	Đạt	
30	Lê Thị	Quyên	01.08.1998	Thanh Hóa	Kinh	Kinh tế đầu tư	Giỏi	3.20		3.20	Đạt	
31	Lê Văn	Sâm	06.02.1980	Thanh Hóa	Kinh	Vật lý	Trung bình	2.00		2.00	Đạt	
32	Nguyễn Ngọc	Sơn	12.11.1996	Thanh Hóa	Kinh	Nông học	Khá	2.82		2.82	Đạt	
33	Nguyễn Hữu	Tiến	02.09.1991	Thanh Hóa	Kinh	Kinh tế	Khá	3.00		3.00	Đạt	
34	Đỗ Ngọc	Toàn	14.06.2001	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán và tài chính	Hạng Nhất	2.50		2.50	Miễn	Bằng NN
35	Lê Văn	Tuấn	05.10.1980	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thông tin	Khá	3.00		3.00	Miễn	
36	Lê Anh	Tuấn	24.01.2000	Thanh Hóa	Kinh	Quản trị kinh doanh	Khá	2.82		2.82	Đạt	
37	Ngô Anh	Tuấn	26.09.1979	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	TB Khá	2.40		2.40	Đạt	
38	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27.03.1997	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	3.11		3.11	Đạt	
39	Nguyễn Trọng	Thảo	27.09.1998	Thanh Hóa	Kinh	Kỹ sư Kỹ thuật mỏ	Khá	2.64		2.64	Đạt	
40	Đặng Quốc	Việt	22.08.1996	Thanh Hóa	Kinh	Quản trị kinh doanh	Khá	2.60		2.60	Miễn	

(Ấn định danh sách có 40 thí sinh)/.



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 2283 /QĐ-ĐHHD ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Định hướng chương trình: Ứng dụng

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
1	Trịnh Thị	Dung	20.02.1992	Thanh Hoá	Kinh	Kế toán	Khá	3.19		3.19	Miễn	
2	Trịnh Khắc	Dương	26.08.1987	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	TB Khá	2.40		2.40	Đạt	
3	Lê Văn	Đức	10.11.1983	Thanh Hoá	Kinh	Quản trị kinh doanh	TB Khá	2.40		2.40	Đạt	
4	Ngô Thùy	Giang	06.09.2000	Thanh Hóa	Mường	Kế toán	Giỏi	3.39		3.39	Đạt	
5	Hoàng Xuân	Hải	01.09.2000	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Hệ thống điện)	Khá	2.73		2.73	Đạt	
6	Lê Thị	Hòa	17.05.1976	Thanh Hoá	Kinh	Quản trị kinh doanh	Khá	3.00		3.00	Đạt	
7	Lê Sỹ	Hội	20.03.1980	Thanh Hoá	Kinh	Cấp thoát nước, kĩ sư đô thị	Trung bình	2.20		2.20	Đạt	
8	Trịnh Thị	Huệ	14.06.1977	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	
9	Lê Đình	Huy	09.09.1991	Phú Thọ	Kinh	Quản trị doanh nghiệp	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	
10	Văn Thị Thanh	Huyền	29.04.1980	Thanh Hoá	Kinh	Kế toán	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	
11	Bùi Thị Phương	Lan	04.08.1979	Thanh Hoá	Kinh	Kế toán	Khá	3.00		3.00	Đạt	
12	Nguyễn Mai	Linh	26.10.1997	Thanh Hoá	Kinh	Khoa học môi trường	Khá	2.55		2.55	Đạt	
13	Lê Mạnh	Linh	17.12.1997	Thanh Hoá	Kinh	Kinh tế	Khá	2.51		2.51	Đạt	
14	Nguyễn Tiến	Nam	29.01.1993	Thanh Hoá	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	Khá	2.86		2.86	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
15	Hồ Uyển Nhi	14.10.2001	Thanh Hóa	Kinh	Kinh doanh quốc tế	Khá	2.73		2.73	Đạt	
16	Trần Thị Phương	04.11.1984	Thanh Hoá	Kinh	Tiếng Anh	TB Khá	2.50		2.50	Miễn	
17	Phạm Hương Quỳnh	26.08.1991	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Giỏi	3.20		3.20	Miễn	
18	Hà Thái Sơn	25.12.2000	Thanh Hóa	Mường	Công tác xã hội	Khá	2.64		2.64	Đạt	
19	Mạch Quang Tứ	21.03.1982	Thanh Hoá	Kinh	Quản trị kinh doanh	Trung bình	2.20		2.20	Đạt	
20	Phạm Ngọc Thành	16.12.1986	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	2.73		2.73	Miễn	
21	Hoàng Trung Thao	01.10.1982	Ninh Bình	Kinh	Quản trị kinh doanh	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	
22	Nguyễn Thị Lộc Thùy	24.06.1987	Bình Thuận	Kinh	Lưu trữ và quản trị văn phòng	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	
23	Nguyễn Thị Thủy	24.06.1993	Thanh Hoá	Kinh	Kế toán	Khá	2.61		2.61	Đạt	
24	Trịnh Thị Thủy	17.11.1978	Thanh Hoá	Kinh	Công nghệ điện tử - viễn thông	Trung bình	2.40		2.40	Đạt	
25	Nguyễn Thị Trà	27.12.1997	Thanh Hoá	Kinh	Kế toán	TB Khá	2.36		2.36	Đạt	
26	Phạm Minh Trang	15.11.1989	Thanh Hoá	Kinh	Kế toán	Khá	3.00		3.00	Đạt	
27	Phạm Ngọc Trường	10.07.1992	Thanh Hóa	Kinh	Hệ thống điện	Trung bình	2.27		2.27	Đạt	
28	Đặng Văn Trường	26.03.1981	Thanh Hóa	Kinh	Quản trị kinh doanh	Khá	3.00		3.00	Đạt	
29	Đặng Tú Uyên	11.10.1983	Thanh Hoá	Kinh	Kế toán	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	

(Ấn định danh sách có 29 thí sinh)./.

[Signature]

TỈNH
NG
ĐỨC



UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 2283/QĐ-ĐHHĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Định hướng chương trình: Ứng dụng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
1	Mai Thuý An	19.01.1997	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	Khá	2.52		2.52	Đạt	
2	Nguyễn Nhật Huyền	31.03.2002	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	3.43		3.43	Miễn	
3	Nguyễn Văn Khánh	30.10.1993	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	Khá	2.89		2.89	Miễn	
4	Lê Diệu Linh	05.11.2002	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	3.27		3.27	Đạt	
5	Trần Văn Quang	28.06.1997	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	Khá	2.79		2.79	Đạt	

(Ấn định danh sách có 05 thí sinh)./.

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 2283 /QĐ-ĐHHD ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục Định hướng chương trình: Ứng dụng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
1	Trịnh Thị Ngọc Anh	10.11.1995	Thanh Hóa	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Khá	2.96		2.96	Đạt	
2	Trịnh Ngọc Anh	26.06.1995	Thanh Hóa	Kinh	GDQP - An ninh	Khá	2.91		2.91	Đạt	
3	Cao Minh Công	26.03.1999	Thanh Hóa	Mường	GDQP - An ninh	Khá	2.97		2.97	Đạt	
4	Lê Thị Dung	29.10.2000	Thanh Hóa	Mường	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3.31		3.31	Miễn	
5	Lê Trí Dũng	06.02.1985	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán	Khá	3.00		3.00	Đạt	
6	Đỗ Thị Hồng Hà	10.04.1993	Hà Nội	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3.48		3.48	Đạt	
7	Nguyễn Thị Hà	28.10.1986	Thanh Hóa	Kinh	Giáo dục Mầm non	Khá	3.00		3.00	Đạt	
8	Đỗ Thúy Hằng	12.12.1997	Thanh Hóa	Kinh	Giáo dục Mầm non	Giỏi	3.38		3.38	Đạt	
9	Phạm Thị Thu Hiền	13.07.1996	Ninh Bình	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3.55		3.55	Đạt	
10	Lê Thu Hiền	05.09.2001	Ninh Bình	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3.28		3.28	Đạt	
11	Lê Thị Hồng Hồng	06.04.1985	Thanh Hóa	Kinh	SP Giáo dục Tiểu học	Khá	3.00	0.4	3.40	Đạt	ƯT KV 1
12	Hà Thị Mai Huyền	13.10.2001	Thanh Hóa	Thái	Giáo dục Tiểu học	Khá	2.95	0.4	3.35	Miễn	ƯT KV 1
13	Lê Công Kiên	27.07.1983	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Sinh học	Khá	3.00		3.00	Đạt	
14	Lương Minh Kỳ	02.08.1976	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Khá	3.00		3.00	Đạt	



Handwritten signature in blue ink.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
15	Lương Thị Lài	13.02.1985	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Mẫu giáo	Khá	3.50		3.50	Đạt	
16	Trần Thị Lành	17.05.1989	Thanh Hóa	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Khá	2.95		2.95	Đạt	
17	Nguyễn Thị Lệ	04.04.1978	Thanh Hóa	Kinh	Ngữ văn (Sư phạm)	TB Khá	2.40		2.40	Đạt	
18	Nguyễn Thị Linh	08.03.1998	Thanh Hóa	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Khá	2.80		2.80	Đạt	
19	Phạm Gia Long	15.02.1982	Thanh Hóa	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3.20		3.20	Đạt	
20	Nguyễn Thu Phương	29.08.1998	Thanh Hóa	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3.53		3.53	Đạt	
21	Triệu Thị Tâm	07.05.1986	Thanh Hóa	Kinh	Giáo dục Mầm non	Khá	3.50		3.50	Đạt	
22	Bùi Thị Minh Tâm	03.12.1997	Ninh Bình	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Khá	3.04		3.04	Miễn	
23	Nguyễn Thanh Tú	07.09.2001	Thanh Hóa	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3.44		3.44	Miễn	
24	Nguyễn Đức Thành	16.02.1999	Thanh Hóa	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Khá	2.92		2.92	Miễn	
25	Nguyễn Thị Thi	20.08.1986	Thanh Hóa	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Khá	3.50		3.50	Đạt	
26	Đào Thị Thơm	10.10.1996	Ninh Bình	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Khá	2.99		2.99	Đạt	
27	Hoàng Hoài Thu	09.10.1982	Thanh Hóa	Kinh	Giáo dục Mầm non	Khá	3.00		3.00	Đạt	
28	Phạm Thị Hải Vân	08.05.2001	Ninh Bình	Kinh	Giáo dục Tiểu học	Khá	3.14		3.14	Đạt	
29	Mai Ngọc Yến	26.11.1993	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Khá	2.64		2.64	Đạt	

(Ấn định danh sách có 29 thí sinh)./.





UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 2283/QĐ-ĐHHĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Chuyên ngành: Khoa học máy tính

Định hướng chương trình: Ứng dụng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
1	Đỗ Quang An	18.07.1994	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thông tin	Trung bình	2.05		2.05	Đạt	
2	Nguyễn Bá Anh	19.11.2000	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thông tin	Khá	2.61		2.61	Miễn	
3	Vũ Kim Dung	20.11.1984	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thông tin	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	
4	Nguyễn Xuân Dũng	25.09.1989	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thông tin	Trung bình	2.41		2.41	Đạt	
5	Nguyễn Xuân Đức	19.06.1994	Thanh Hóa	Kinh	Hệ thống thông tin quản lý	Trung bình	2.24		2.24	Đạt	
6	Lê Anh Đức	09.10.2000	Thanh Hóa	Kinh	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	Trung bình	2.23		2.23	Đạt	
7	Tổng Văn Hưng	20.10.1984	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thông tin	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	
8	Lê Quang Hưng	23.02.1996	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thông tin	Trung bình	2.00		2.00	Đạt	
9	Trịnh Sỹ Tuấn	27.12.2002	Thanh Hóa	Mường	Công nghệ thông tin	Xuất sắc	3.63		3.63	Miễn	
10	Lại Văn Thăng	06.11.2002	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thông tin	Khá	2.52		2.52	Miễn	
11	Lê Thị Thanh Thúy	22.12.1996	Thanh Hóa	Kinh	Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khá	2.55		2.55	Miễn	
12	Hà Minh Thủy	07.09.1991	Thanh Hóa	Kinh	Khoa học máy tính	TB Khá	2.50		2.50	Đạt	

(Ấn định danh sách có 12 thí sinh)./.



UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 2283 /QĐ-ĐHHD ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Việt Nam

Định hướng chương trình: Nghiên cứu

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thùy Linh	03.05.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Xuất sắc	3.67		3.67	Miễn	
2	Cao Lê Hồng Nhung	07.08.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Xuất sắc	3.64		3.64	Miễn	
3	Lê Thị Cẩm Ly	15.08.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3.52		3.52	Miễn	
4	Nguyễn Cẩm Hà	08.12.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3.40		3.40	Miễn	
5	Hoàng Nhật Quỳnh	08.06.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3.31		3.31	Miễn	

(Ấn định danh sách có 05 thí sinh).



UBND. TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 2283 /QĐ-ĐHHĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Định hướng chương trình: Nghiên cứu

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
1	Lê Việt Hoàng	07.09.2001	Thanh Hóa	Thái	Sư phạm Ngữ văn	Khá	2.71		2.71	Miễn	
2	Trần Quang Huy	10.06.2001	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3.54		3.54	Miễn	
3	Nguyễn Phương Nhi	22.10.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3.31		3.31	Miễn	
4	Đàm Thị Tâm	25.10.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3.58		3.58	Miễn	
5	Thiều Thị Thúy Thanh	13.12.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Khá	2.87		2.87	Miễn	
6	Lê Huy Thành	13.12.1989	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Trung bình	2.03	0.4	2.43	Đạt	ƯT KV 1; Có bài báo
7	Lương Thị Thảo	20.06.2002	Thanh Hóa	Thái	Sư phạm Ngữ văn	Xuất sắc	3.7		3.70	Miễn	
8	Ngô Thị Phương Thảo	20.05.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3.58		3.58	Miễn	

(Ấn định danh sách có 08 thí sinh)./.



UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 2283 /QĐ-ĐHHĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt

Định hướng chương trình: Ứng dụng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
1	Lê Thị Thanh Trà	26.07.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Xuất sắc	3.86		3.86	Miễn	
2	Hà Thị Minh Thảo	01.02.2002	Thanh Hóa	Thái	Sư phạm Ngữ văn	Xuất sắc	3.75		3.75	Miễn	
3	Nguyễn Kiều Trang	07.11.2001	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3.52		3.52	Miễn	
4	Nguyễn Thị Linh	17.03.2000	Thanh Hóa	Mường	Sư phạm Ngữ văn	Khá	3.00	0.4	3.40	Miễn	ƯT KV1
5	Đặng Thị Thùy	27.01.2001	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3.39		3.39	Đạt	
6	Lương Thị Tình	19.03.2001	Thanh Hóa	Mường	Sư phạm Ngữ văn	Khá	3.15		3.15	Miễn	
7	Lê Thị Vân Anh	23.11.1997	Thanh Hóa	Mường	Sư phạm Ngữ văn	Trung bình	2.29		2.29	Đạt	

(Ấn định danh sách có 07 thí sinh) ./.



UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 2283/QĐ-ĐHHĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Chuyên ngành: Đại số và lý thuyết số

Định hướng chương trình: Ứng dụng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
1	Đỗ Thị Quỳnh Anh	23.02.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Giỏi	3.53		3.53	Miễn	
2	Lê Thanh Hải	31.01.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Xuất sắc	3.84		3.84	Miễn	
3	Trịnh Thị Hằng	17.11.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Giỏi	3.45		3.45	Miễn	
4	Phùng Thị Khánh Huyền	09.01.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Khá	3.15		3.15	Miễn	
5	Nguyễn Thảo Hương	15.03.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Xuất sắc	3.72		3.72	Miễn	
6	Nguyễn Thị Thu Hường	05.01.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Xuất sắc	3.72		3.72	Miễn	
7	Đỗ Đức Quốc Khánh	02.09.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Khá	2.67		2.67	Miễn	
8	Phạm Thị Nhung	11.10.2001	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Giỏi	3.49		3.49	Miễn	
9	Nguyễn Thị Quý	03.11.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Giỏi	3.27		3.27	Miễn	
10	Lê Vi Thái Tâm	04.11.2002	Thanh Hóa	Mường	Sư phạm Toán học	Khá	3.12		3.12	Miễn	
11	Lê Xuân Tùng	03.09.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Khá	2.88		2.88	Miễn	

(Ấn định danh sách có 11 thí sinh)./.



UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 2283/QĐ-ĐHHD ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Chuyên ngành: Toán Giải tích

Định hướng chương trình: Nghiên cứu

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lê	24.09.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Xuất sắc	3.83		3.83	Miễn	
2	Đào Thị Linh	04.01.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Giỏi	3.29		3.29	Miễn	
3	Phạm Văn Luân	05.07.1988	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Giỏi	3.50		3.50	Đạt	
4	Dương Thị Ánh Nguyệt	01.09.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Xuất sắc	3.65		3.65	Miễn	
5	Chu Thị Lâm Oanh	19.06.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Giỏi	3.59		3.59	Miễn	
6	Lê Như Quỳnh	18.09.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Khá	3.14		3.14	Miễn	
7	Nguyễn Thị Tuyên	10.08.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Khá	2.95		2.95	Miễn	
8	Lương Thị Tuyến	29.09.2002	Thanh Hóa	Thái	Sư phạm Toán học	Khá	3.02		3.02	Miễn	
9	Nguyễn Thị Trang	30.10.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Giỏi	3.51		3.51	Miễn	
10	Lê Thị Huyền Trang	13.07.2002	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Khá	3.14		3.14	Miễn	
11	Nguyễn Thị Trang	06.02.2000	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Khá	3.13		3.13	Miễn	

(Ấn định danh sách có 11 thí sinh)./.



UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 2283/QĐ-ĐHHĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Chuyên ngành: Phương pháp Toán sơ cấp

Định hướng chương trình: Ứng dụng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đại học	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Điểm TBC toàn khóa bậc đại học hệ 4 (bao gồm cả điểm quy đổi từ hệ 10)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển (hệ 4)	Chuẩn đầu vào ngoại ngữ (bậc 3/6)	Ghi chú
1	Cao Lan Anh	16.07.2000	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Khá	2.79		2.79	Miễn	
2	Nguyễn Danh Cảnh	20.06.2001	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Khá	2.89		2.89	Miễn	
3	Nguyễn Thị Cúc	22.12.1988	Nghệ An	Kinh	Toán học	TB Khá	2.40		2.40	Đạt	
4	Đặng Thị Hồng Liên	29.01.2001	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Giỏi	3.57		3.57	Miễn	
5	Lê Anh Tuấn	25.10.1985	Thanh Hóa	Thổ	Sư phạm Toán học	Khá	2.76		2.76	Miễn	
6	Trịnh Đình Thủy	01.09.1985	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm Toán học	Giỏi	3.27		3.27	Miễn	

(Ấn định danh sách có 06 thí sinh)./.